

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2026

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Lộc

2. Ông Huỳnh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Võ Trúc Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị T, sinh năm 1987. Căn cước công dân số 036187018896, cấp tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 28/9/2021.

Địa chỉ: D Tô I, ấp P, xã L, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1978. Chứng minh nhân dân số 273412949, cấp tại Công an tỉnh B.

Hộ khẩu thường trú: D31 Tô 9, ấp P, xã L, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/09/2025, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Bà Vũ Thị T và ông Trần Văn H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 260, quyển số 02/2010 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp (nay là Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Hồ Chí Minh).

Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không chia sẻ tình cảm với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình căng thẳng kéo dài.

Do mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, bà T và ông H đã sống ly thân từ khoảng năm 2015 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là Trần Thị Yên N, sinh ngày 03/10/2011. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng bà T. Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Trần Văn H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn H theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 72, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về hôn nhân:*

Bà Vũ Thị T và ông Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 260, quyển số 02/2010 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp (nay là Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Hồ Chí Minh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

Theo trình bày của bà T, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không chia sẻ tình cảm với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình căng thẳng kéo dài. Hai bên đã sống ly thân từ khoảng năm 2015 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc và không tham gia phiên tòa, thể hiện ông H không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Xét thấy giữa bà T và ông H không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị T.

[3]. *Về con chung:*

Bà Vũ Thị T và ông Trần Văn H có 01 con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 03/10/2011. Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét toàn diện quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu Trần Thị Yến N đang sinh sống ổn định cùng bà T, việc giao con cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục và phát triển của cháu.

Do bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Vũ Thị T và ông Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Vũ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. *Về con chung*: Bà Vũ Thị T và ông Trần Văn H có 01 con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 03/10/2011.

Giao cho bà Vũ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 03/10/2011 cho đến khi đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị T về việc không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn H được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Vũ Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028860 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm (Đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- UBND xã Long Hải, TP HCM;
- VKSND Khu vực 13, TP HCM;
- Lưu: Văn thư, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

